TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH HOÀ BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 195/2022/QĐST - HNGĐ	*K, ngày 05 tháng 12 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 209/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Th, sinh năm 1986;
- Bị đơn: Anh Bùi Văn K, sinh năm 1984;

Đều trú tại: Xóm Đ, xã Hợp T, huyện K, tỉnh Hòa Bình.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam

Địa chỉ: Số 2 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình H– Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện K.

Người được ủy quyền lại: Ông Bùi Phan Đ – Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện K.

+ Ông Bùi Văn Ng, sinh năm 1947 và bà Bùi Thị Th, sinh năm 1955

Đều trú tại: Xóm Đ, xã Hợp T, huyện K, tỉnh Hòa Bình.

Căn cứ vào điều 212 và điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điều 37, 55, 59, 81, 81, 83 và Điều 60 luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 12 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và hoà giải thành của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 11 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Bùi Thị Th, sinh năm 1986 và anh Bùi Văn K, sinh năm 1984, đều trú tại: Xóm Đ, xã Hợp T, huyện K, tỉnh Hòa Bình.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Bùi Thị Th và anh Bùi Văn K thuận tình ly hôn.
- *Về con chung:* Xác nhận chị Bùi Thị Th và anh Bùi Văn K có hai con chung là Bùi Đức Tr, sinh ngày 06/5/2007 và Bùi Thị Bảo Y, sinh ngày 24/01/ 2010. Chị Th

và anh K thỏa thuận: Anh Bùi Văn K được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cả hai con là Bùi Đức Tr và Bùi Thị Bảo Y cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác theo quy định của pháp luật. Anh K chưa yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con.

Chị Bùi Thị Th được quyền thăm nom con chung mà không gây ảnh hưởng đến việc nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

- *Về tài sản chung:* Chị Bùi Thị Th và anh Bùi Văn K xác nhận đã tự thỏa thuận về tài sản chung anh K được quyền sử dụng và sở hữu, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về công nợ chung:* Chị Bùi Thị Th, anh Bùi Văn K và đại diện Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện K xác nhận Chị Bùi Thị Th, anh Bùi Văn K có nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện K, tỉnh Hòa Bình số tiền 30.000.000VND *(ba mươi triệu đồng)* và lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 3006LAV202101546 ngày 20/5/2021. Bà Bùi Thị Th và ông Bùi Văn Ng đồng ý thế chấp tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 973959 của hộ ông Bùi Văn Ng do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 13/3/2001 để đảm bảo nghĩa vụ trả khoản vay 30.000.000VND *(ba mươi triệu đồng)* và lãi phát sinh của anh Bùi Văn K cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện K Hòa Bình.

- *Về án phí:* Chị Bùi Thị Th tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000VND *(một trăm năm mươi nghìn đồng)* đã bao gồm nghĩa vụ án phí của anh Bùi Văn K. Chị Bùi Thị Th đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000VND *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005227, ngày 11/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Hòa Bình. Đối trừ chị Chị Bùi Thị Th đã chấp hành xong nghĩa vụ về án phí và được hoàn trả lại 150.000VND *(một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Đà Giang.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh HB;
- VKSND huyện K;
- VKSND tỉnh HB;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã H - nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự.
- Lưu HS.